TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2023/HS-ST
Ngày 11 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Đỗ Thị Thanh T; sinh năm: 1990, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 253A LHP, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Trương Thị Ngọc A; có chồng và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh ngày 26/10/2022; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 15/3/2019, Toà án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 19 tháng (Quyết định số 160/2019/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 06/01/2021.

Nhân thân: Ngày 04/8/2011, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 6111/QĐ-UBND về việc đưa vào Cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, do có hành vi sử dụng chất ma túy. Ngày 24/6/2013, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Quận T ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Trần Quốc Th, sinh năm: 1991; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, chỗ ở: 3E MC, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đặng Thị Ngọc B, sinh năm: 1975; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 96/8/8 LL, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B105 Chung cư V, Phường MS, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị Thanh T và Nguyễn Hoàng N chung sống như vợ chồng. Khoảng 11 giờ, ngày 24/7/2022, N điều khiển xe gắn máy biển số 59C1-637.92 chở T đi ăn uống. Trên đường đi, N nói với T: "*Chồng khổ quá vợ ơi, theo chồng đi kiếm tiền không, vợ giúp chồng đi*". Nghe vậy, T hiểu ý là N rủ cùng đi tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài nên T đồng ý. Khi N chở T đến trước nhà số 3E MC, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì N nhìn thấy chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 59V2-241.07 của anh Trần Quốc Th dựng trước nhà, không có người trông coi. Lúc này, N nói với T: "*Chồng lấy chiếc xe đó nha vợ*", T đồng ý. Thực hiện ý định trên, N giao xe gắn máy biển số 59C1-637.92 cho T đứng cảnh giới, đề phòng khi bị người dân phát hiện thì chở N chạy tẩu thoát. N đi đến dùng tay bẻ khóa cổ xe và dẫn xe biển số 59V2-241.07 ra ngoài. Do xe hết xăng, N kêu T ngồi trên xe gắn máy vừa lấy trộm được để N điều khiển xe gắn máy biển số 59C1-637.92 đẩy qua Phường 16, Quận T đổ xăng. Sau khi đổ xăng, N nói T đưa xe biển số 59C1-637.92 cho N đi bán, còn T điều khiển xe gắn máy biển số 59C1-637.92 đi về nhà, sau đó N đi đâu không rõ.

Khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 30/7/2022, anh Trần Quốc Th đến Công an Phường ML, Quận T trình báo. Qua truy xét, ngày 30/7/2022, Công an Phường ML, Quận T mời T về trụ sở để lấy lời khai làm rõ và T khai nhận hành vi cùng N chiếm đoạt tài sản nêu trên. Vụ việc được lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T để điều tra, làm rõ.

Ngày 16/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 59V2-241.07 có trị giá là 22.500.000 đồng.

Ngày 29/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Thị Thanh T để điều tra về tội "Trộm cắp tài sản". Quá trình điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Qua xác minh, Nguyễn Hoàng N không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm và tách vụ án để tiếp tục, điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, anh Trần Quốc Th khai: Chiếc xe gắn máy hiệu Exciter, biển số 59V2-241.07 do mẹ vợ của anh là bà Đặng Thị Ngọc Bích đứng tên, bà Bích đã tặng cho anh Thanh xe này nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Lời khai của anh Thanh phù hợp với lời khai của bà Ngọc về nguồn gốc xe và việc tặng cho xe giữa bà Ngọc và anh Thanh.

Qua xác minh số khung, số máy của xe gắn biển số 59C1-637.92, kết quả không có dữ liệu, thông tin đăng ký. Biển số xe 59C1-637.92 do anh Nguyễn Xuân Sơn (sinh năm 1972, địa chỉ: 241/29 Bến Vân Đồn, Phường 5, Quận 4 (nay là Phường 2, Quận 4), Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký, nhưng thông tin số khung, số máy không trùng khớp với xe đang tạm giữ. Đồng thời, anh Sơn khai không có đăng ký và sở hữu xe gắn máy biển số

59C1-637.92. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T đã có văn bản đề nghị đăng tin tìm chủ sở hữu xe trên nhưng chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Quốc Th yêu cầu Đỗ Thị Thanh T bồi thường số tiền 22.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-Q8 ngày 14/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Đỗ Thị Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Thị Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại. Về xử lý vật chứng, tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy gắn biển số 59C1-637.92 trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 11 giờ 20 phút, ngày 24/7/2022, tại trước nhà số 3E MC, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đỗ Thị Thanh T cùng Nguyễn Hoàng N có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 59V2-241.07 của anh Trần Quốc Th trị giá 22.500.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Trộm cắp tài sản" như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4] Mặc dù bị cáo T không trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nhưng bị cáo và Ân có sự thống nhất ý chí về việc cùng tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. N là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo T là người cảnh giới, giúp sức tích cực trong quá trình tẩu thoát cùng tài sản chiếm đoạt. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hậu quả do hành vi của đồng phạm gây ra.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Đỗ Thị Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng cùng hậu quả của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Xét thấy, bị cáo có 01 tiền sự bị Toà án nhân dân Quận T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào năm 2019. Ngoài ra, vào năm 2011, bị cáo còn bị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Quận T ra Quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh vì hành vi sử dụng chất ma túy. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để quyết định hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận T đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội, bị cáo là phụ nữ có thai và hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Trần Quốc Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.500.000 đồng. Xét thấy, thiệt hại xảy ra là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, yêu cầu của bị hại là phù hợp với kết luận định giá tài sản cũng như được bị cáo đồng ý, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trần Quốc Th số tiền 22.500.000 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 xe gắn máy hiệu Dream gắn biển số 59C1-637.92, qua xác minh số khung, số máy của xe không có thông tin đăng ký cơ sở dữ liệu. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có có kết quả. Do đó,

cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với Nguyễn Hoàng N, qua xác minh không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T đã ra Quyết định truy tìm và tách vụ án để tiếp tục, điều tra làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thanh T 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Thanh T bồi thường cho anh Trần Quốc Th số tiền 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 221, 228 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy gắn biển số 59C1-637.92, số máy: VHLFM152FMH-VB01052, số khung: RMNWCH9MN7H011052, nếu hết thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/01/2023)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận T;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ ĐT CA Quận T;
- CQ THA HS CA Quận T;
- Nhà tạm giữ CA Quận T;
- Chi cục THA DS Quận T;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc